

Số: 35 /2022/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đề điều;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT tại Tờ trình số 174/TTr-SNNPTNT ngày 12 tháng 9 năm 2022 và Báo cáo số 18/BC-STP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Văn bản số 803/STP-XD&KTVBQPPL ngày 21 tháng 7 năm 2022 về tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản sau thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **18** tháng 10 năm 2022.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
 - Bộ Nông nghiệp & PTNT;
 - Tổng cục Thủy lợi;
 - Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
 - CVP, các PCVP UBND tỉnh;
 - Báo VP, Đài PTTH, Công TTGTĐT tỉnh;
 - CV: NCTH;
 - Lưu: VT, NN3.
- (TAT: **150** b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Khước

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

*(Kèm theo Quyết định số **35** /2022/QĐ-UBND ngày **07** /**10** /2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này xác định trách nhiệm, nội dung phối hợp xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Những nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các cấp; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại Khoản 1, Điều 40 Luật thủy lợi.

2. Vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh được quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 40 Luật thủy lợi và Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp phải tuân thủ Hiến pháp và Pháp luật; đảm bảo tính thứ bậc và phối hợp thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ nhằm đạt được mục tiêu nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với nhiệm vụ các sở, ban, ngành trong tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Các hành vi vi phạm phải được xử lý theo các nguyên tắc, trình tự, thủ

tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Tùy theo tính chất, nội dung của nhiệm vụ phối hợp, có thể áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau:

- a) Phối hợp bằng văn bản;
- b) Tổ chức cuộc họp, hội nghị;
- c) Tổ chức thanh, kiểm tra; điều tra, khảo sát; đoàn công tác liên ngành;
- d) Thông báo, trao đổi qua điện thoại, email công vụ, fax, zalo.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp cung cấp thông tin, thực hiện báo cáo, cho ý kiến theo chuyên ngành quản lý và chịu trách nhiệm về những nội dung đã cung cấp, báo cáo.

3. Người được giao thực hiện nhiệm vụ phối hợp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các ý kiến tham gia, kết quả thực hiện nhiệm vụ phối hợp. Trường hợp người thực hiện nhiệm vụ phối hợp không đủ thẩm quyền quyết định thì báo cáo cho lãnh đạo đơn vị của mình và có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan chủ trì.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp trong tiếp nhận ngăn chặn và xử lý thông tin vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thủy lợi trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải báo ngay cho tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

2. Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trong phạm vi được giao quản lý (bao gồm các Công ty TNHH MTV thủy lợi và các tổ chức thủy lợi cơ sở):

a) Có trách nhiệm trực tiếp quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành; phát hiện và tiếp nhận thông tin vi phạm, chủ trì thực hiện việc kiểm tra, phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời ngay từ khi mới phát sinh các hành vi vi phạm, tái vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Giám sát việc thực hiện các nội dung trong giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Nếu có hoạt động không đúng theo nội dung giấy phép được cấp, chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có biện pháp ngăn chặn kịp thời, đồng thời báo cáo Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện;

c) Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, chủ động có biện pháp ngăn chặn, buộc chấm dứt hành vi vi phạm theo quy định. Đồng thời, liên hệ ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại (trong thời hạn 24 giờ) để phối hợp ngăn chặn hành vi vi phạm, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chịu trách nhiệm tổ chức bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của Luật Thủy lợi; tiếp nhận thông tin vi phạm trực tiếp từ tổ chức, cá nhân hoặc tiếp nhận biên bản vi phạm do cấp xã chuyển đến và phối hợp kịp thời, chặt chẽ với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền quy định. Đối với các vi phạm vượt thẩm quyền hoặc không thuộc thẩm quyền xử phạt thì củng cố hồ sơ theo quy định, chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

4. UBND cấp xã: Chịu trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của Luật Thủy lợi; phát hiện và tiếp nhận thông tin vi phạm, phối hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn kiểm tra, lập biên bản vi phạm, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền. Đối với các vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt thì chuyển ngay biên bản vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ.

Điều 7. Phối hợp trong xử lý vi phạm

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chịu trách nhiệm công tác đề xuất quản lý, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh tổ chức thanh tra định kỳ, đột xuất các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến việc thực hiện các quy định của pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

c) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xử lý dứt điểm các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi nhận được báo cáo đề nghị của Chi cục Thủy lợi, của Thanh tra Sở;

d) Giao Chi cục Thủy lợi

- Kiểm tra, xác minh, phân loại các trường hợp vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền; kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với Thanh tra Sở tham mưu cho Giám đốc Sở đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn thanh tra liên ngành để thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

- Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đôn đốc, giám sát kết quả xử lý vi phạm của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp hành vi vi phạm không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý hoặc xử lý không nghiêm, không dứt điểm theo đúng quy định của pháp luật, Chi cục trưởng xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền có văn bản báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo xử lý.

e) Giao Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Sở tổ chức thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch thanh tra hàng năm, hoặc đột xuất được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

2. Thanh tra tỉnh

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành thanh tra xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật thủy lợi, những vi phạm phức tạp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết hoặc theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm, tái vi phạm nghiêm trọng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà không xử lý được; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

3. Công an tỉnh

Chỉ đạo các lực lượng chức năng phát hiện, kiểm tra, xử lý; phối hợp các đơn vị liên quan khác kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

4. UBND cấp huyện

a) Khi phát hiện hoặc nhận tin báo về hành vi vi phạm pháp luật thủy lợi trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi chỉ đạo hoặc phối hợp với người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Điều 37 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn lập biên bản vi phạm và tiến hành ngay các trình tự, thủ tục xử lý vi phạm theo quy định;

b) Có trách nhiệm tiếp nhận biên bản, hồ sơ vi phạm do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan có thẩm quyền chuyển đến và tiến hành ngay các trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính theo quy định trong thời hạn quy định tại khoản 34, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính;

c) Tổ chức xử lý dứt điểm những vi phạm, tái vi phạm trên địa bàn theo quy định và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật khi để xảy ra tình trạng vi phạm, tái vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo

vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý; đối với những vi phạm nghiêm trọng vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để có chỉ đạo kịp thời.

5. UBND cấp xã

a) Khi phát hiện hoặc nhận tin báo về hành vi vi phạm pháp luật thủy lợi trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi cần chỉ đạo hoặc phối hợp với người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Điều 37 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn lập biên bản vi phạm và tiến hành ngay các trình tự, thủ tục xử lý vi phạm theo quy định. Thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020. Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bằng văn bản để Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo xử lý đối với những hành vi vi phạm vượt thẩm quyền xử lý của cấp xã;

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc không phát hiện kịp thời, chậm xử lý, hoặc không xử lý các hành vi vi phạm, đùn đẩy trách nhiệm thuộc thẩm quyền xử lý làm cho vi phạm, tái vi phạm gia tăng ảnh hưởng đến an toàn và hoạt động bình thường của công trình thủy lợi;

c) Giám sát, đôn đốc các đối tượng vi phạm chấp hành quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền; đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý các tổ chức, cá nhân không chấp hành quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền khi cấp xã đã áp dụng các biện pháp xử lý.

Điều 8. Phối hợp trong cưỡng chế, khắc phục hậu quả

1. Cưỡng chế, khắc phục hậu quả

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc: Chi cục Thủy lợi, Thanh tra Sở thực hiện:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức cưỡng chế, buộc khắc phục hậu quả các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền xử lý vi phạm của cấp huyện;

- Hoàn chỉnh hồ sơ vi phạm, xác định mức giới bảo vệ công trình thủy lợi, kỹ thuật liên quan đến công trình thủy lợi làm cơ sở cho việc xác định vi phạm và xử lý vi phạm; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện trong việc thực hiện cưỡng chế, khắc phục hậu quả vi phạm.

b) Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng Công an các cấp có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Tổ chức thực hiện và phối hợp tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khi các tổ chức, cá nhân vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền;

- Phân công và chỉ đạo cơ quan, đơn vị chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch cưỡng chế;

- Huy động lực lượng Công an và các cơ quan chức năng của huyện bố trí đầy đủ lực lượng, phương tiện tham gia cưỡng chế; khi thấy cần thiết thì đề nghị Công an tỉnh hỗ trợ lực lượng;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã huy động lực lượng Công an cùng cấp nơi tổ chức cưỡng chế tham gia cưỡng chế;

- Huy động đầy đủ về phương tiện, thiết bị cần thiết để cưỡng chế.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tổ chức thực hiện và phối hợp tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khi các tổ chức, cá nhân vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền;

- Phân công và chỉ đạo cơ quan, đơn vị chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT (Phòng Kinh tế) huyện, thành phố, Công ty TNHH MTV thủy lợi và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức lực lượng cưỡng chế, buộc khắc phục hậu quả;

- Huy động các lực lượng: Công an, xây dựng, địa chính, giao thông- thủy lợi cùng cấp và các lực lượng khác tham gia. Khi cần thiết báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để chỉ đạo các ngành chức năng của huyện, thành phố hỗ trợ lực lượng tham gia cưỡng chế, khắc phục hậu quả.

2. Kinh phí thực hiện cưỡng chế

Trước khi tổ chức việc cưỡng chế, cơ quan được giao chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế phải trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt dự trù chi phí cưỡng chế theo quy định tại Điều 39, Điều 40, Điều 41 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Thông tư số 05/2017/TT-BTC ngày 16/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và xử lý nghiêm, dứt điểm các trường hợp vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục Thủy lợi và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ công trình thủy lợi và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn; tổ chức đánh giá việc triển khai thực hiện quy chế, tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; tổ chức, cá nhân vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp, các ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi văn bản đề nghị về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp và kịp thời. / 2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

